

MARKET LENS

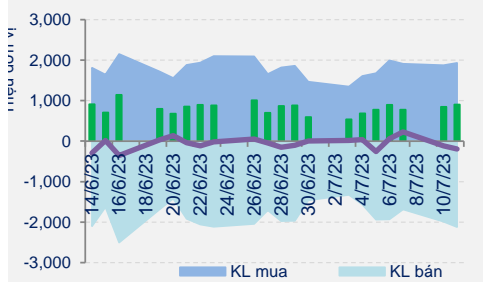
Phiên giao dịch ngày: 11/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

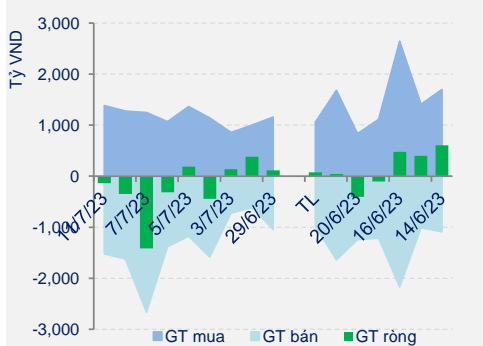
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,151.77	229.22
% Thay đổi	↑ 0.24%	↑ 0.37%
KLGD (CP)	902,444,331	118,630,879
GTGD (tỷ đồng)	19,096.03	1,864.96
Tổng cung (CP)	2,122,891,642	186,933,200
Tổng cầu (CP)	1,930,745,666	151,724,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,579,837	264,533
KL mua (CP)	40,768,137	3,518,330
GT mua (tỷ đồng)	1,384.01	66.51
GT bán (tỷ đồng)	1,522.19	7.48
GT ròng (tỷ đồng)	(138.18)	59.03

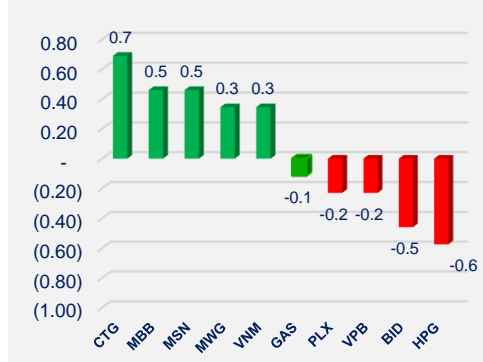
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX sau khi vượt vùng kháng cự quanh 1.140 điểm trong phiên trước, duy trì xu hướng tăng trong phiên giao dịch sáng hướng đến vùng giá 1.158 điểm - 1.160 điểm và chịu áp lực rung lắc mạnh với thanh khoản gia tăng. Kết thúc phiên VN-INDEX vẫn tăng 2,75 điểm (+0,24%) lên 1.151,77 điểm. HNX-INDEX tăng 0,85 điểm (+0,37%) lên 229,22 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 328 mã tăng giá (21 mã tăng trần), nhưng áp lực bán ngắn hạn gia tăng hơn với 292 mã giảm giá (10 mã giảm sàn) và 116 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 20,953,35 tỷ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang gia tăng trở lại sau những phiên điều chỉnh và khi VN-INDEX vượt kháng cự đỉnh gần nhất. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên HOSE với giá trị 138,18 tỷ đồng, mua ròng trên HNX với giá trị 59,03 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận khá nhiều thông tin tích cực như ngày 10/7/2023 NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống khoảng 14%. Chính phủ yêu cầu tiếp tục giảm lãi suất cho vay ít nhất 1,5-2% và yêu cầu NHNN tập trung, khẩn trương xử lý các ngân hàng thương mại yếu kém, bảo đảm thanh khoản, an toàn hệ thống và chú trọng xử lý nợ xấu.

Qua đó nhóm cổ phiếu ngân hàng đa số có diễn biến tích cực ngay từ đầu phiên giao dịch, nhiều mã tăng giá tốt với thanh khoản cải thiện mạnh với PGB (+5,68%), NVB (+4,96%), ABB (+2,27%), MBB (+2,17%), CTG (+2,02%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh nhẹ sau phiên tăng điểm trước như BID (-0,85%), VPB (-0,75%), LPB (-0,61%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa hơn, các mã đầu ngành duy trì tăng điểm tích cực như SSI (+2,00%), HCM (+0,50%)... trong khi đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ với thanh khoản ở mức trung bình sau khi tăng khá mạnh phiên trước như MBS (-1,46%), BSI (-1,09%), VCI (-0,72%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp, cao su, cảng biển đa số có diễn biến khá tích cực, duy trì xu hướng tăng điểm tốt so với thị trường chung, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình như IDC (+2,07%), D2D (+1,43%), GVR (+1,18%), VGC (+0,88%)... GMD (1,80%), DVP (+1,84%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản trên mức trung bình như VOS (-1,89%), HAH (-1,53%), VSC (-1,16%)... TIP (-1,53%), SIP (-1,21%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản ở mức trung bình với DRH (-2,87%), NHA (-2,38%), TDC (-1,48%), DIG (-1,40%), NVL (-1,34%)... Trong khi nhóm bán lẻ vẫn duy trì xu hướng tăng giá tích cực như MWG (+2,20%), FRT (+1,72%), MSN (+1,67%), DGW (+1,15%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 1,5 điểm (+0,13%), gia tăng mức chênh lệch lên -8,67 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm so với phiên trước, khối lượng mở OI duy trì ở mức cao hơn 40% khối lượng khớp lệnh. Cho thấy vị thế nắm giữ VN30F2307 vẫn cao và thị trường bắt đầu giảm dần vị thế để gia tăng sang kỳ hạn VN30F2308 khi sắp đến thời điểm đáo hạn. Xu hướng ngắn hạn VN30F2307 vẫn chưa đồng thuận với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -10,67 điểm đến -23,67 điểm so với VN30. Cho thấy các trader duy trì lạc quan hơn với VN30, ưu tiên các vị thế mua ở VN30, gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro ở thị trường phái sinh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục tăng điểm sau phiên bùng nổ đầu tuần nhưng đà tăng đã chững lại, ở vùng điểm số hiện tại VnIndex đang đối diện với ngưỡng kháng cự mạnh nên khả năng xảy ra điều chỉnh khá cao. Ngưỡng 1.150 của VnIndex là ngưỡng cản nhằm xác định thị trường có thực sự bước vào giai đoạn uptrend hay không, hiện Vnindex đã tiệm cận ngưỡng này trên nền tảng tích lũy chặt chẽ và tin cậy, mặc dù thị trường có thể có rung lắc trong các phiên tiếp theo nhưng với nền tảng gốc tin cậy và động lực tăng mạnh mẽ (như chúng tôi thường xuyên phân tích trong các bản tin trước), chúng tôi cho rằng khả năng hình thành uptrend mới là rất cao.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Đà tăng của thị trường đã chững lại trong phiên hôm nay khi VnIndex chỉ tăng điểm nhẹ +2,75 điểm (+0,24%) dù đã có đà từ phiên bùng nổ đầu tuần, hiện Vnindex đang trong khu vực nỗ lực vượt ngưỡng cản mạnh quan trọng 1.150 và sẽ không dễ dàng để có thể vượt qua ngưỡng này, thông thường thị trường sẽ có thêm các phiên rung lắc rũ bỏ để tích lũy đủ nội lực cho đợt bứt phá ngưỡng cản dứt khoát. Mặc dù khả năng thị trường có thể đối diện với các nhịp điều chỉnh tại vùng kháng cự mạnh nhưng động lực của xu hướng tăng đang rất mạnh mẽ và nội lực thị trường được hỗ trợ bởi các nền tảng gốc và nền tảng tích lũy ngắn hạn tốt theo từng nhịp tăng nên chúng tôi cho rằng thị trường hoàn toàn có khả năng bứt phá ngưỡng kháng cự 1.150 để hình thành uptrend.

Mặc dù VnIndex hôm nay chốt phiên vượt 1.150 điểm nhưng chưa thể xác nhận vượt cản thành công bởi đây là phiên đầu tiên VnIndex vượt cản với động lực trong phiên không mạnh. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường vẫn còn động lực tăng nhưng sẽ đối diện với nhiều biến động trong khu vực nhạy cảm sắp tới. Thị trường sẽ có rung lắc trong nỗ lực vượt cản 1.150 trong ngắn hạn cho dù với nội lực mạnh xu hướng tăng hiện tại, khả năng thị trường vượt cản thành công là rất cao.

Về góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường đang trong sóng hồi trên nền tảng tích lũy rất tốt kéo dài trong 6 tháng đầu năm, thời gian qua VnIndex đã bứt phá để thoát nền và tạo ra những mô hình hồi phục ngắn hạn tin cậy, điều này tạo cơ sở cho khả năng trong trung hạn Vnindex còn có thể hình thành Uptrend. Hiện VnIndex đang tiệm cận kháng cự mạnh 1.150 nên sẽ có nhiều rung lắc, nếu VnIndex vượt qua ngưỡng cản này sẽ hình thành uptrend và với động lực mạnh mẽ thể hiện trong phiên hôm nay, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành uptrend thực sự (kèm thêm hỗ trợ từ chuyển biến vĩ mô tích cực).

Về vĩ mô, trạng thái nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn khá trầm lắng và khó dự báo đặc biệt đối với thị trường BDS và thị trường xuất khẩu (do kinh tế thế giới đang tăng trưởng thấp nên đơn hàng không nhiều) tuy nhiên việc lãi suất đang có xu hướng giảm và ổn định giúp dòng tiền trong thị trường trở nên bình ổn hơn. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp, điểm tích cực là nhiều tổ chức tài chính lớn đang nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu dù tốc độ tăng trưởng vẫn không cao.. về tổng thể nhìn chung tâm lý giới đầu tư đang dần ổn định hơn do nhà đầu tư dần có niềm tin kinh tế sẽ dần ổn định lại. Thị trường có khả năng hình thành uptrend do vận động của thị trường luôn đi trước diễn biến thực sự của nền kinh tế.

Phiên bùng nổ hôm nay thể hiện động lực mạnh mẽ của thị trường trong cả ngắn và trung hạn tuy nhiên trong ngắn hạn thị trường có thể có rung lắc, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn giai đoạn hiện tại không nên mua đuổi ở các phiên tăng nhưng có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh để giải ngân với quan điểm thận trọng hơn. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ, trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
GVR	21.50	18-18.6	22-23	16	26.0	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	13.80	12.5-13.2	15-15.5	12	17.3	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
POW	13.25	13.1-13.6	16.5-17	12	18.2	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	27.55	25-26.5	29-30	24	4.9	-32.9%	-84.9%	Theo dõi chờ giải ngân
EVE	19.10	18.5-19.5	24-25	17	9.1	-22.6%	-55.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	36.7	26.4	34-36	35	39.0%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	26.2	18	24-26	24.5	45.6%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	54.5	40	52-54	51	36.3%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.8	25.1	33-34	32	34.7%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.2	12.75	18-18.5	13.5	11.0%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	61.1	54.8	65-67	59	11.5%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	30.8	28.05	34-35	29.5	9.8%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	56.7	51	62-64	54	11.2%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Chính phủ yêu cầu tiếp tục giảm lãi suất cho vay ít nhất 1,5-2%

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ, quyết liệt để giảm mặt bằng lãi suất, nhất là giảm lãi suất cho vay (phần đầu giảm ít nhất khoảng từ 1,5 - 2%) nghiên cứu, thực hiện áp dụng đối với cả khoản vay mới và đang còn dư nợ. Xác định hạn mức tăng trưởng tín dụng phù hợp với tình hình thực tiễn (cả năm khoảng 13 - 15%, trường hợp thuận lợi thì có thể tăng cao hơn) và công bố ngay bằng biện pháp, hình thức phù hợp, hiệu quả chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng thương mại đến hết năm 2023, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế.

Giá xăng dầu tăng giảm trái chiều

Chiều 11/7, liên Bộ Công Thương – Tài chính công bố điều chỉnh giá các mặt hàng xăng dầu. Theo đó, so với mức bán lẻ hiện hành, xăng E5RON92 giảm 51 đồng/lít, xuống còn 20.419 đồng/lít; xăng RON95-III tăng 69 đồng/lít, lên mức 21.497 đồng/lít; dầu điêzen 0.05S tăng 447 đồng/lít, lên 18.616 đồng/lít; dầu hỏa tăng 394 đồng/lít, lên mức 18.320 đồng/lít; dầu mazut 180CST 3.5S tăng 665 đồng/kg, lên mức 15.288 đồng/kg.

Giá vàng tăng “rón rén”, nỗi lo lãi suất tăng vẫn đè nặng

Giá vàng đang có sự hỗ trợ mạnh ở mức 1.900 USD/oz trên đồ thị kỹ thuật. Nếu lạm phát còn cao, giá vàng có thể giảm dưới mốc này, nhanh chóng trượt về 1.848 USD/oz... Giá vàng miếng trong nước sáng nay (11/7) tăng nhẹ, duy trì xu hướng ổn định quanh ngưỡng 67 triệu đồng/lượng.

Đề xuất thu phí tất cả cao tốc do Nhà nước đầu tư

Tờ trình dự án Luật Đường bộ được Chính phủ gửi Quốc hội ngày 7/7. Theo dự thảo, Chính phủ đề xuất thu phí sử dụng cao tốc do Nhà nước đầu tư theo số km phương tiện chạy trên đường. Theo đánh giá của Bộ Giao thông Vận tải - cơ quan soạn thảo, phương án này sẽ thu hút nguồn lực khu vực tư nhân và đảm bảo mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam có 5.000 km cao tốc. Thu phí còn giảm gánh nặng ngân sách Nhà nước, nhất là với công trình đường bộ quy mô lớn, tổng mức đầu tư cao.



TIN DOANH NGHIỆP

EVN chính thức ra số kiểm toán: lỗ gần 1 tỷ USD năm 2022, cầm 100.000 tỷ tiền mặt và tiền gửi, vượt trội các doanh nghiệp lớn trên sàn

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vừa công bố BCTC kiểm toán năm 2022 với khoản lỗ sau thuế 20.747 tỷ đồng, trong khi năm 2021 doanh nghiệp lãi 14.725 tỷ đồng. Lỗ ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ là 22.256 tỷ đồng. Giá vốn tăng cao là một trong những nguyên nhân chính khiến tập đoàn này lỗ. Lượng tiền mặt và tiền gửi của doanh nghiệp này đạt mức 101.527 tỷ đồng. Tổng tài sản của EVN đạt 666.165 tỷ đồng tỷ đồng, giảm 5,6% so với đầu năm.

Chủ tịch Vietnam Airlines: Các hãng hàng không rất khó khăn

Ông Đặng Ngọc Hòa - Chủ tịch HĐQT Vietnam Airlines cho biết các hãng hàng không rất khó khăn. Với ngành hàng không, trong 6 tháng đầu năm 2023, thị trường hàng không đạt 34,7 triệu khách, tăng 49,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Liên danh do Tập đoàn Đèo Cả đứng đầu đã trúng gói thầu 2.630 tỷ đồng dự án sân bay Long Thành

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV) và liên danh nhà thầu do Tập đoàn Đèo Cả đứng đầu vừa thực hiện lễ trao hợp đồng thi công xây dựng tuyến nối dự án sân bay Long Thành với giá trị hơn 2.630 tỷ đồng. Trên tuyến có 3 nút giao và 1 cầu đúc hẫng, 4 cầu bản rộng, 4 cầu giản đơn. Thời gian thi công 885 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng, dự kiến hoàn thành vào 31/12/2026.

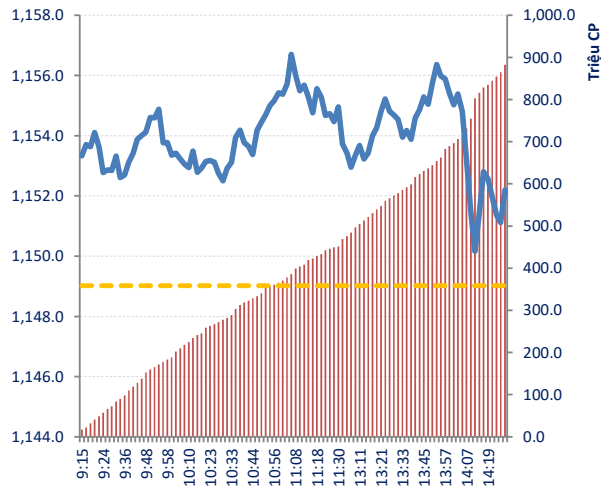
ĐHCĐ Tài chính Hoàng Huy (TCH) thông qua cổ tức năm 2023 tỷ lệ 10% bằng tiền

TCH đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất năm 2023 đạt 2.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 550 tỷ đồng, lần lượt tăng 5,1% và 14,5% so với thực hiện năm 2022. Cổ tức năm 2023 dự kiến chia với tỷ lệ tối đa 10% bằng tiền. Với 668 triệu cổ phiếu đang lưu hành, TCH sẽ chi 668 tỷ đồng cổ tức.

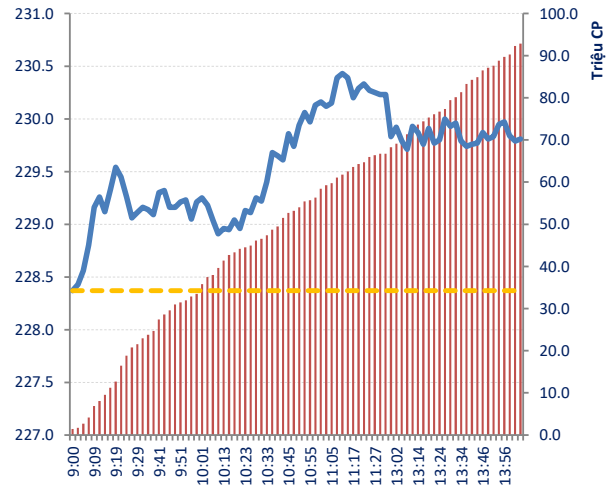


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

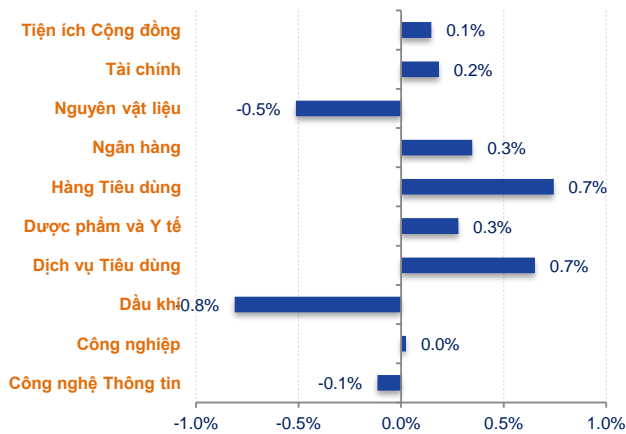
KLGD và VN-Index trong phiên



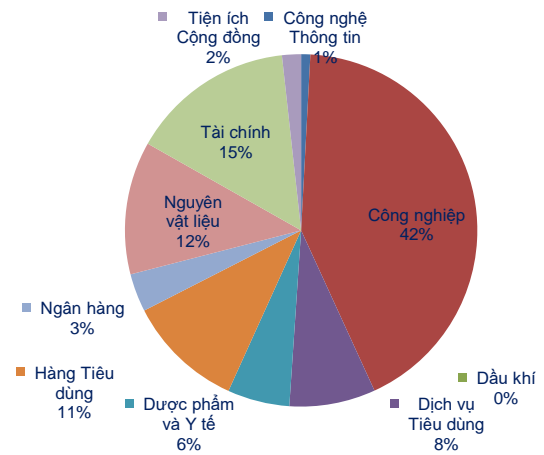
KLGD và HNX-Index trong phiên



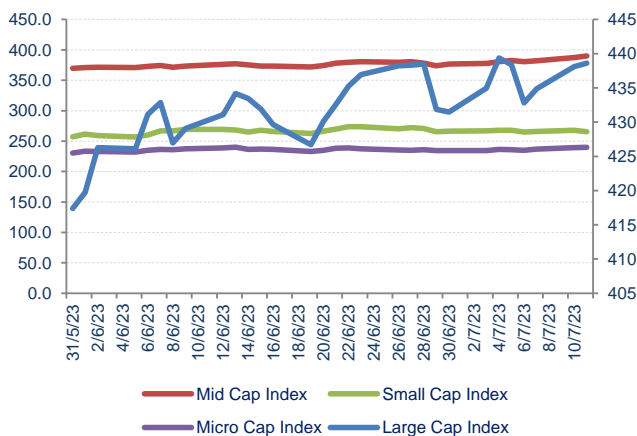
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



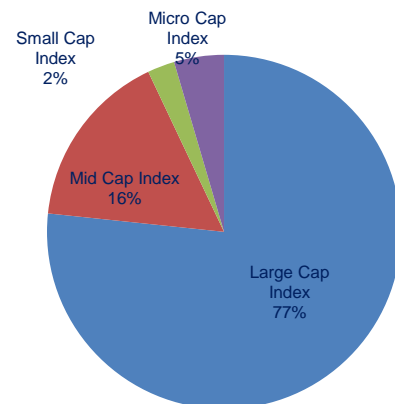
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	7,481,200	VRE	2,991,100	1	SHS	1,995,870	PVI	47,800
2	CTG	1,625,900	TPB	2,088,700	2	PVS	757,600	NSH	35,600
3	KBC	1,314,600	POW	1,649,600	3	TNG	203,570	NVB	32,000
4	VPB	1,296,100	VCI	1,330,300	4	DL1	120,000	TIG	13,000
5	DBC	1,006,800	VND	1,194,300	5	API	74,700	VCS	9,773

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	8.20	8.76	↑ 6.83%	43,645,100	SHS	14.30	14.20	↓ -0.70%	20,024,014
VND	17.75	17.90	↑ 0.85%	32,380,300	HUT	19.40	20.10	↑ 3.61%	11,962,163
SSI	27.50	28.05	↑ 2.00%	29,725,436	IDJ	5.70	5.20	↓ -8.77%	10,657,300
SHB	13.50	13.60	↑ 0.74%	24,308,000	APS	6.30	5.70	↓ -9.52%	7,047,639
HPG	27.70	27.30	↓ -1.44%	24,220,101	TAR	16.40	17.10	↑ 4.27%	6,419,430

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DC4	9.00	9.63	0.63	↑ 7.00%	CMC	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
EMC	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%	DP3	66.90	73.50	6.60	↑ 9.87%
TDW	39.30	42.05	2.75	↑ 7.00%	PTD	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
PNC	8.82	9.43	0.61	↑ 6.92%	HJS	28.80	31.60	2.80	↑ 9.72%
CCL	7.40	7.91	0.51	↑ 6.89%	SPC	15.00	16.40	1.40	↑ 9.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%	SDU	28.30	25.50	-2.80	↓ -9.89%
CTF	34.10	31.75	-2.35	↓ -6.89%	SGD	32.40	29.20	-3.20	↓ -9.88%
BBC	61.80	57.60	-4.20	↓ -6.80%	NAG	15.20	13.70	-1.50	↓ -9.87%
VAF	10.80	10.10	-0.70	↓ -6.48%	SIC	26.40	23.80	-2.60	↓ -9.85%
PMG	10.25	9.65	-0.60	↓ -5.85%	VMS	24.00	21.70	-2.30	↓ -9.58%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	43,645,100	24.3%	1,317	6.2	1.5
VND	32,380,300	4.1%	487	36.5	1.5
SSI	29,725,436	6.9%	1,035	26.6	1.8
SHB	24,308,000	18.7%	2,610	5.2	0.9
HPG	24,220,101	0.7%	114	242.6	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	20,024,014	2.1%	224	63.8	1.2
HUT	11,962,163	1.3%	146	132.9	1.7
IDJ	10,657,300	8.0%	901	6.3	0.5
APS	7,047,639	-44.5%	(5,589)	-	0.5
TAR	6,419,430	3.8%	585	28.0	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DC4	↑ 7.0%	-0.6%	(66)	-	0.8
EMC	↑ 7.0%	0.2%	20	503.5	0.9
TDW	↑ 7.0%	23.8%	5,623	7.0	1.3
PNC	↑ 6.9%	8.2%	1,256	7.0	0.6
CCL	↑ 6.9%	10.3%	1,226	6.0	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMC	↑ 10.0%	-13.1%	(1,724)	-	0.5
DP3	↑ 9.9%	27.8%	12,896	13.0	3.3
PTD	↑ 9.8%	20.1%	3,763	3.8	0.7
HJS	↑ 9.7%	16.4%	2,504	11.5	1.8
SPC	↑ 9.3%	-8.6%	(1,850)	-	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	7,481,200	6.9%	1,035	26.6	1.8
CTG	1,625,900	15.9%	3,548	8.4	1.3
KBC	1,314,600	11.2%	2,620	11.7	1.2
VPB	1,296,100	11.8%	1,796	11.2	1.3
DBC	1,006,800	-3.8%	(741)	-	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,995,870	2.1%	224	63.8	1.2
PVS	757,600	5.6%	1,498	22.5	1.2
TNG	203,570	17.8%	2,666	7.5	1.4
DL1	120,000	3.4%	417	12.9	0.4
API	74,700	8.2%	921	6.9	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	486,029	23.2%	6,533	15.7	3.4
BID	237,498	19.7%	3,972	11.8	2.2
VHM	234,265	24.9%	8,269	6.5	1.5
VIC	194,129	5.1%	1,800	28.3	1.4
GAS	186,610	24.1%	7,689	12.7	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,107	5.6%	1,498	22.5	1.2
IDC	14,322	34.3%	6,675	6.5	2.3
THD	13,755	4.0%	672	58.4	2.3
KSF	12,120	4.9%	1,094	36.9	1.8
BAB	11,668	9.6%	1,138	12.3	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

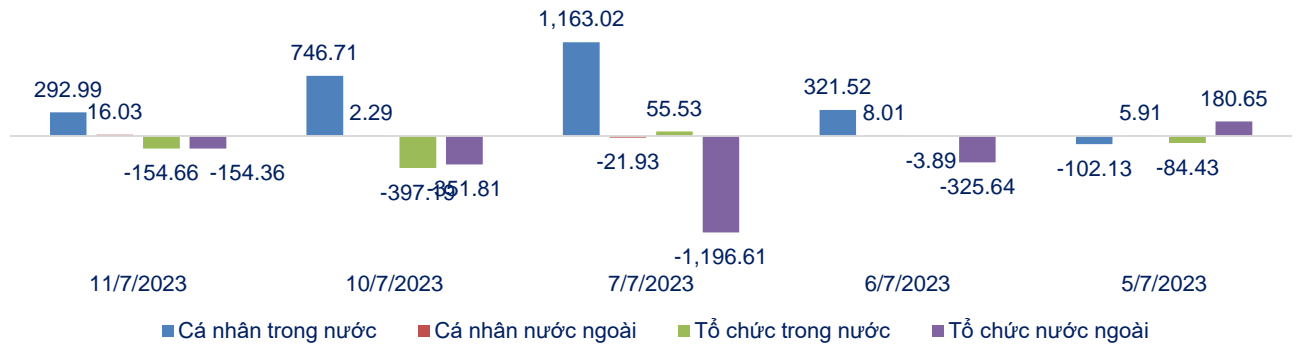
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.17	0.3%	49	168.1	0.5
PDR	3.65	9.7%	1,321	14.0	1.5
DRH	3.57	-0.4%	(48)	-	0.5
EVG	3.46	0.9%	113	57.7	0.5
PTL	3.33	-20.9%	(1,118)	-	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	4.50	8.2%	921	6.9	0.5
VC7	4.30	2.4%	262	81.6	2.0
KSQ	4.28	-20.9%	(2,031)	-	0.3
FID	4.05	0.0%	1	4,323.2	0.3
VC2	3.96	4.1%	591	24.7	1.0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	140.23	6.9%	908	17.4	1.1
VRE	104.69	10.2%	1,488	18.1	1.8
VCB	77.59	23.2%	6,533	15.7	3.4
GMD	59.43	11.5%	3,064	18.2	2.0
STB	53.31	14.9%	3,006	9.9	1.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-169.92	6.9%	1,035	26.6	1.8
CTR	-78.20	29.8%	4,053	18.7	5.0
PTB	-55.86	14.9%	6,013	8.8	1.3
HPG	-38.42	0.7%	114	242.6	1.7
DBC	-32.71	-3.8%	(741)	-	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	5.46	5.9%	1,537	50.7	3.0
VIC	2.87	5.1%	1,800	28.3	1.4
VPB	2.23	11.8%	1,796	11.2	1.3
ANV	2.10	19.3%	4,384	8.5	1.6
SAB	1.96	20.0%	7,829	19.2	3.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-3.26	23.5%	3,881	18.6	4.4
POM	-2.40	-50.1%	(5,223)	-	0.8
HPG	-1.67	0.7%	114	242.6	1.7
PVT	-1.08	11.1%	2,677	8.8	0.9
SSI	-1.04	6.9%	1,035	26.6	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTR	86.00	29.8%	4,053	18.7	5.0
EIB	39.76	14.8%	2,030	10.0	1.4
GEX	35.04	0.1%	23	855.7	0.8
PTB	33.62	14.9%	6,013	8.8	1.3
VCI	25.04	7.7%	1,206	34.6	2.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	-139.07	6.9%	908	17.4	1.1
VPB	-48.75	11.8%	1,796	11.2	1.3
TCB	-46.31	17.2%	5,446	5.9	1.0
BID	-41.47	19.7%	3,972	11.8	2.2
CTG	-41.09	15.9%	3,548	8.4	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	210.32	6.9%	1,035	26.6	1.8
CTG	49.34	15.9%	3,548	8.4	1.3
KBC	40.04	11.2%	2,620	11.7	1.2
DBC	25.33	-3.8%	(741)	-	1.4
PTB	22.01	14.9%	6,013	8.8	1.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	-88.20	23.2%	6,533	15.7	3.4
VRE	-81.80	10.2%	1,488	18.1	1.8
MSN	-59.34	5.9%	1,537	50.7	3.0
VCI	-55.13	7.7%	1,206	34.6	2.6
GMD	-45.84	11.5%	3,064	18.2	2.0

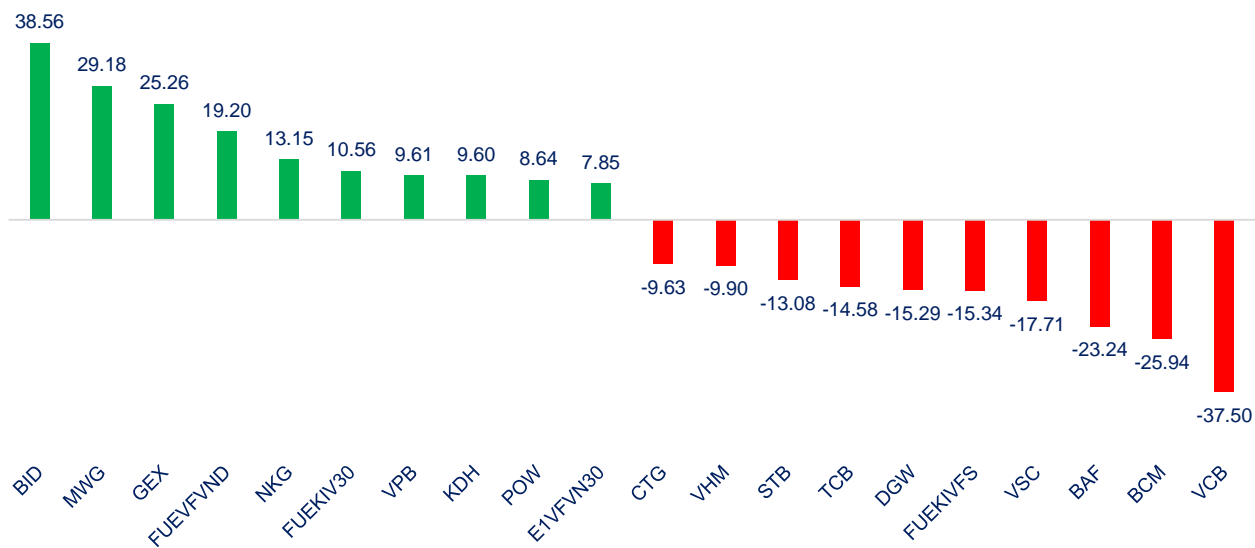


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn